ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

****

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA**

**TRÌNH ĐỘ ………………**

**NGÀNH, NGHỀ: ……………………… – KHÓA …**

Hà Nội – 20..

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ**  **CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ………………..**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số … /QĐ-CĐNCN ngày … tháng … năm ……… của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội)*

**Tên ngành, nghề đào tạo**: **……………………….**

**Mã nghề:** **………………………**

**Trình độ đào tạo:** **………………………**

**Hình thức đào tạo**: Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** **………………………**

**Thời gian đào tạo**: **………………………**

**1. Mục tiêu đào tạo**

1.1. Mục tiêu chung

Trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành trong các công việc thuộc nghề **………………………**. Hoàn thành chương trình học, người học có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ giải quyết các vấn đề liên quan đến **………………………**. Người học có khả năng làm việc độc lập, tự kiếm sống bằng nghề đã học hoặc có khả năng tổ chức hành nghề theo nhóm. Người học trở thành người có đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức chức kỷ luật, có khả năng tự học hoặc tiếp tục học để nâng cao trình độ.

1.2.Mục tiêu cụ thể

*- Kiến thức:*

+ Trang bị các kiến thức cơ bản về **………………………**

+ Trang bị các kiến thức về **………………………**

+ Trang bị các kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp;

+ Bồi dưỡng các kiến thức về **………………………**

+ Bồi dưỡng các kiến thức cơ bản về **………………………**

*- Kỹ năng:*

+ Có thể kết nối, điều khiển máy tính và các thiết bị ngoại vi;

+ Có thể nhận làm dịch vụ các công việc liên quan đến thiết kế đồ hoạ như tạo các bản vẽ kỹ thuật, mỹ thuật, chế bản sách báo, tạo các tranh ảnh quảng cáo, các dịch vụ liên quan đến video số, chụp ảnh số;

+Thực hiện được biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh, quay camera, chụp ảnh, xử lí các ảnh tĩnh, ảnh động; Thiết kế đối tượng đồ họa game, hoạt hình;

+ Thiết kế, hoàn thiện được các sản phẩm đồ họa như: Thiết kế quảng cáo trên biển bảng quảng cáo, trên website hoặc mạng xã hội, trên truyền hình, thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, trang bìa sách, dàn trang, trình bày nội dung sách, báo, tạp chí, tranh cổ động;

+ Tạo lập được các ấn phẩm dùng cho các lĩnh vực khác nhau như tạo nhãn mác hàng hóa, tạo mẫu logo, tạo mẫu danh thiếp hoặc quảng cáo;

+Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề, đọc và hiểu được tài liệu tiếng anh chuyên ngành.

*-Mức độ tự chủ và trách nhiệm*

+ Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; Thực hiện đúng luật sở hữu trí tuệ trong ứng dụng phần mềm; cần cù, chịu khó và sáng tạo; Thực hiện tốt kỷ luật lao động và thực hiện đúng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp;

+ Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống;

+ Cập nhật được kiến thức, thực hiện sáng tạo trong công việc; Làm việc được với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định;

+ Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Dịch vụ khách hàng;

- Thiết kế sản phẩm, ấn phẩm quảng cáo và xuất bản;

- Biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh;

- Thiết kế sản phẩm đồ họa truyền thông đa phương tiện;

- Thiết kế đối tượng đồ họa Games, hoạt hình 2D;

**2.Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

-Số lượng môn học, mô đun: 28

- Khối lượng kiến thực, kỹ năng toàn khóa học : 1855 giờ- 71 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1600 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun cơ sở 695 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn 965 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 519 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1236 giờ

**3.Nội dung chương trình**

| **Mã MH/ MĐ** | **Tên môn học/mô đun** | **Số**  **tín**  **chỉ** | **Thời gian học tập (giờ)** | | | | **Số bài kiểm tra thành phần** |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | |  |
| **Lý**  **thuyết** | **Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận** | **Thi/**  **Kiểm**  **tra** | **Lịch thi và kết thúc MĐ và MH** |
| **I** | **Các môn học chung** | **17** | **255** | **94** | **148** | **13** | **16** |  |
| MH1 | Giáo dục quốc phòng và an ninh | 3 | 45 | 21 | 21 | 3 | 3 |  |
| MH2 | Tin học | 3 | 45 | 15 | 29 | 1 | 2 |  |
| MH3 | Giáo dục thể chất | 2 | 30 | 4 | 24 | 2 | 3 |  |
| MH4 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 | 2 |  |
| MH5 | Giáo dục chính trị | 2 | 30 | 15 | 13 | 2 | 3 |  |
| MH6 | Tiếng Anh | 6 | 90 | 30 | 56 | 4 | 3 |  |
| **II** | **Các môn học, mô đun chuyên môn** | **54** | **1600** | **425** | **1088** | **74** | **66** |  |
| *II.1* | *Các môn học cơ sở* | *24* | *635* | *192* | *412* | *32* | *35* |  |
| MĐ7 | An toàn lao động | 1 | 30 | 10 | 18 | 2 | 3 |  |
| MĐ8 | Kỹ năng mềm | 1 | 30 | 10 | 18 | 2 | 2 |  |
| MH9 | Mỹ thuật cơ bản | 4 | 60 | 18 | 39 | 4 | 5 |  |
| MĐ10 | Cơ sở kỹ thuật đồ họa | 3 | 90 | 27 | 59 | 4 | 4 |  |
| MĐ11 | Nguyên lý tạo hình | 2 | 60 | 18 | 39 | 3 | 3 |  |
| MĐ12 | Kỹ thuật chụp ảnh | 2 | 60 | 18 | 39 | 3 | 3 |  |
| MĐ13 | Xử lý ảnh | 4 | 120 | 36 | 79 | 5 | 5 |  |
| MĐ14 | Thiết kế minh họa với Adobe Illustrator | 3 | 90 | 27 | 59 | 4 | 4 |  |
| MĐ15 | Ý tưởng thiết kế | 2 | 60 | 18 | 39 | 3 | 3 |  |
| MH16 | Nghệ thuật chữ | 2 | 35 | 10 | 23 | 2 | 3 |  |
| *II.2* | *Môn học, mô đun chuyên môn* | *30* | *965* | *233* | *676* | *42* | *31* |  |
| II.2.1 | Đồ họa cho in ấn |  |  |  |  |  |  |  |
| MĐ17 | Chế bản điện tử | 3 | 90 | 27 | 56 | 4 | 4 |  |
| MH18 | Kỹ thuật in ấn | 2 | 30 | 9 | 13 | 2 | 3 |  |
| MĐ19 | Hình họa | 2 | 60 | 18 | 27 | 3 | 3 |  |
| MĐ20 | Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu | 2 | 60 | 18 | 42 | 3 | 3 |  |
| MĐ21 | Thiết kế bao bì | 2 | 60 | 18 | 42 | 3 | 3 |  |
| II.2.2. | Thiết kế truyền thông đa phương tiện |  |  |  |  |  |  |  |
| MĐ22 | Đồ hoạ hình động | 2 | 60 | 18 | 39 | 3 | 3 |  |
| MĐ23 | Thiết kế giao diện người dùng | 2 | 60 | 18 | 39 | 3 | 3 |  |
| MĐ24 | Thiết kế Website | 3 | 90 | 27 | 59 | 4 | 3 |  |
| MĐ25 | Thiết kế ấn phẩm văn hóa- truyền thông | 2 | 60 | 18 | 39 | 3 | 3 |  |
| MĐ26 | Kỹ thuật quay phim thương mại | 1 | 30 | 9 | 20 | 2 | 2 |  |
| MĐ27 | Làm phim quảng cáo | 2 | 60 | 18 | 40 | 2 | 2 |  |
| MĐ28 | Trải nghiệm và thực tập doanh nghiệp | 7 | 305 | 35 | 260 | 10 | 1 |  |
| **Tổng cộng** | | **71** | **1855** | **519** | **1236** | **87** | **82** |  |

*\*Ghi chú:*

- Thời gian học lý thuyết và thời gian thực hành, thực tập, thí nghiệm phải đảm bảo tỷ lệ sau:

+ Lý thuyết chiếm 30%.

+ Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 70%.

- Quy định về thời lượng:

+ 01 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn) hoặc (45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp).

+ Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

+ Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.

+ Một tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

**4. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo quy định do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, trải nghiệm, tham gia sản xuất trực tiếp tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Ðể giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Thời gian** |
| 1 | Thể dục, thể thao | Từ 05 giờ đến 06 giờ và từ 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |
| 2 | Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt tập thể | Ngoài giờ học hàng ngày, từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần). |
| 3 | Hoạt động thư viện;  Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt định kỳ theo kế hoạch hoặc chuyên đề. |
| 5 | Đi thực tế | Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun. |

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thì kết thúc môn học, mô đun:

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là Thông tư 09) và Quyết định số 477/QĐ-CĐNCN, ngày 28/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ liên thông theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp.

4.3.1. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

c) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học, mô- đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ.

4.3.2. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

b) Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô-đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định;

c) Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước trên thời khóa biểu trước 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

d) Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô-đun.

đ) Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học, mô-đun ít nhất 05 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc môn học, mô-đun từ 1 - 2 ngày làm việc;

e) Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giáo viên coi thi và không bố trí quá 50 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh; đối với hình thức thi khác, hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác;

f) Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản;

g) Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun.

4.3.3. Hiệu trưởng quy định cụ thể về tổ chức kiểm tra, kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Chương trình đào tạo theo niên chế:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

4.5. Các chú ý khác

4.5.1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô-đun khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

b) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được Hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

4.5.2. Số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất, nếu điểm môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi khác do trường tổ chức;

b) Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được hiệu trưởng bố trí dự thi ở kỳ thi khác.

4.5.3. Học và thi lại

a) Người học phải học và thi lại môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện dự thi;

- Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun nhưng điểm môn học, mô- đun chưa đạt yêu cầu;

b) Người học thuộc diện phải học và thi lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học, mô-đun lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi mới được dự thi kết thúc môn học, mô-đun;

c) Trường hợp không còn môn học, mô-đun do điều chỉnh chương trình thì Hiệu trưởng quyết định chọn môn học, mô-đun khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của ngành, nghề đào tạo.

*Hà Nội, ngày tháng năm ……..*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NGƯỜI LẬP | PHÒNG ĐÀO TẠO & QLHSSV | HIỆU TRƯỞNG |